

嘆大雪 <曷吉>

風切切
寒冽冽
往來無人行
車落烈
鳥飛絕
遠近東西白雪
太急揭
屋屋關門
無事不能出鼻
終夜寤寐聽怒風
梗枝斷折
可憐無家人列
又顧影自憐
空房更怯
冷氣透重窗
透心中
無人可徹
又憐人自古
少多心事同
這幽情無箇別

曷吉

Thán đại tuyết <Hạt Cát>

Phong thiết thiết
Hàn liệt liệt
Vãng lai vô nhân hành
Xe lạc liệt
Điểu phi tuyết
Viễn cận Đông Tây bạch tuyết
Thái cấp yết.
Ốc ốc quan môn
Vô sự bất năng xuất niết
Chung dạ ngụ mỵ thính nộ phong
Ngạnh chi đoạn chiết
Khả liên vô gia nhân liệt
Hựu cổ ảnh tự liên
Không phòng cánh khiếp
Lãnh khí thấu trùng song
Thấu tâm trung
Vô nhân triệt
Hựu liên nhân tự cổ
Thiếu đa tâm sự đồng
Giá u tình vô cá biệt

Gió cắt riết,
Hơi buốt xiết.
Qua lại không bóng người,
Xe nằm liệt,
Chim bay biệt,
Gần xa đông tây trắng tuyết.
Tình trạng khẩn thiết,
Nhà nhà kín mít ,
Chẳng nên ra khỏi cửa những ai không việc.
Suốt đêm thức ngủ nghe gió gào.
Cành gãy nhánh rớt.
Thương cho những kẻ không nhà,
Nhìn bóng tự mình thương tiếc,
Phòng không vắng khiếp.
Khí lạnh len qua song cửa dày,
Len vào tim,
Không ai biết.
Lại thương cho người xưa,
Ít nhiều tâm sự giống nhau.
Niềm u ẩn này đâu riêng biệt.

Hạt Cát